Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 13.01.2021 10:15:59 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 12 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh trên cạn;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm tra vệ sinh thú y;

Căn cứ Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

Căn cứ Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, giai đoạn 2020-2025";

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4823/TTr- SNN ngày 24 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Kế hoạch phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025".

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện quyết định này theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN-PTNT;
- Cục Thú y;
- TTTU, HĐND tỉnh ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo TN, Đài PTTH Tây Ninh;
- LĐVP; CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

01KT_V NAM_QĐUB 10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Trần Văn Chiến

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH
Phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I
TÍNH CẤP THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. TÍNH CẤP THIẾT

Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm do vi rút gây ra; bệnh chỉ xảy ra ở loài lợn; không gây bệnh cho các loài động vật khác, lợn bệnh có khả năng chết lên đến 100%; bệnh lây lan nhanh, gây thiệt hại lớn; vi rút có sức đề kháng cao, tồn tại lâu ở ngoài môi trường và trong các sản phẩm của lợn; bệnh lây lan trực tiếp từ lợn bệnh sang lợn chưa mắc bệnh, sản phẩm lợn mang mầm bệnh hoặc gián tiếp qua các loài vật chủ trung gian mang mầm bệnh (ve mòng, côn trùng, gặm nhấm, chim di cư,..), các phương tiện vận chuyển, thức ăn chăn nuôi, dụng cụ chăn nuôi và cả yếu tố con người. Hiện nay, trên thế giới chưa có vắc xin phòng bệnh cũng như chưa có thuốc điều trị đặc hiệu đối với bệnh DTLCP.

Tại Việt Nam, ngày 19/02/2019, bệnh DTLCP lần đầu tiên xuất hiện tại tỉnh Hưng Yên, Thái Bình, sau đó bệnh tiếp tục xảy ra tại các tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Trong năm 2019, bệnh DTLCP đã xảy ra tại 667 huyện, 8.537 xã thuộc 63/63 tỉnh, thành phố. Tổng số lợn buộc phải tiêu hủy 5.968.630 con. Từ đầu năm 2020 đến ngày 21/10/2020, vẫn còn 365 xã thuộc 111 huyện của 30 tỉnh, thành phố có dịch chưa qua 21 ngày. Số lợn buộc phải tiêu hủy trên 64.000 con lợn.

Riêng trên địa bàn tỉnh, ổ dịch đầu tiên xảy ra tại ấp Bắc Bến Sỏi, xã Thành Long, huyện Châu Thành vào ngày 06/7/2019; sau đó bệnh tiếp tục xảy ra tại 1.937 hộ chăn nuôi, 78/95 xã, phường, thị trấn thuộc 9/9 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; nhờ thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch nên bệnh đã kịp thời được khống chế; kể từ ngày 27/12/2019 trở đi, không còn ổ DTLCP xuất hiện trên địa bàn tỉnh. Thiệt hại do dịch bệnh năm 2019: tiêu hủy 32.355 con lợn; trọng lượng tiêu hủy là 1.853.968 kg. Kinh phí hỗ trợ người chăn nuôi bị thiệt hại lên đến hơn 50 tỷ đồng.

Nguy cơ bệnh DTLCP tái phát và lây lan diện rộng trong thời gian tới là rất cao do đặc điểm của vi rút gây bệnh rất nguy hiểm đối với lợn, có khả năng tồn tại lâu ngoài môi trường, đường truyền lây phức tạp và hiện chưa có vắc xin phòng bệnh, trong khi tổng đàn lợn có thể tăng trong thời gian tới; việc buôn bán, vận chuyển lợn và sản phẩm từ lợn gia tăng; thời tiết thay đổi gây bất lợi cho sức khỏe đàn lợn và tạo điều kiện thuận lợi cho dịch bệnh phát triển.

Tây Ninh có chung đường biên giới với Campuchia, hằng ngày các hoạt động thương mại, người dân và phương tiện vận chuyển qua lại biên giới có thể làm gia tăng nguy cơ xâm nhiễm của dịch bệnh.

Hiện nay, xu thế hội nhập quốc tế đã mở ra nhiều cơ hội cho ngành chăn nuôi nhưng cũng đem đến không ít thách thức. Từ doanh nghiệp đến các hộ chăn nuôi đang phải đối mặt với những "cuộc chiến" khốc liệt của thị trường, mà để trụ vững đòi hỏi phải có những giải pháp mang tính bước ngoặt, tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng hiện đại. Bệnh DTLCP vẫn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn cung thịt lợn. Việc nhập khẩu thịt nhằm đáp ứng nhu cầu, mang đến nhiều sự lựa chọn cho người tiêu dùng, nhưng càng tạo thêm áp lực cạnh tranh to lớn đối với các doanh nghiệp, hộ chăn nuôi. Do đó, giải pháp tối ưu là phát triển chăn nuôi toàn diện, bền vững theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng, chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

- Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh;

- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

-Thông tư số 20/2019/TT-BNNPTNT ngày 22/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi;

- Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

- Quyết định số 4527/QĐ-BNN-TY ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh DTLCP;

- Công văn số 13/BCĐDTLCP ngày 19/12/2019 của Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống DTLCP về việc tái đàn trong chăn nuôi lợn;

- Công văn số 1965/BNN-TY ngày 18/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tổ chức hướng dẫn tái đàn, tăng đàn lợn bảo đảm an toàn sinh học;

- Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 07/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh DTLCP, giai đoạn 2020-2025";

- Công văn số 5319/BNN-TY ngày 11/8/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tổ chức triển khai Kế hoạch quốc gia phòng chống bệnh DTLCP giai đoạn 2020-2025.

Chương II
MỤC TIÊU KẾ HOẠCH

I. MỤC TIÊU CHUNG

Thực hiện tốt nguyên tắc chủ động ngăn chặn, giám sát, phát hiện sớm, áp dụng kịp thời, có hiệu quả các biện pháp phòng, chống bệnh DTLCP; khoanh vùng và dập dịch triệt để; bảo đảm áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh nhằm ngăn chặn, giảm thiểu nguy cơ xâm nhiễm và lây lan bệnh DTLCP trên địa bàn tỉnh và giảm thiểu tổn thất về kinh tế.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến hết ngày 31/12/2021: trên 90% số xã, phường, thị trấn không có bệnh DTLCP; trong 02 năm 2022 – 2023: trên 95% số xã, phường, thị trấn không có bệnh DTLCP; trong 02 năm 2024 - 2025: trên 99% số xã, phường, thị trấn không có bệnh DTLCP.

2. Trong giai đoạn từ 2021-2025, khuyến khích, vận động các doanh nghiệp chăn nuôi xây dựng ít nhất 20 cơ sở chăn nuôi lợn và 01 chuỗi sản xuất lợn, sản phẩm thịt lợn an toàn bệnh DTLCP, đáp ứng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu lợn, sản phẩm thịt lợn.

3. Có 100% cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn, 90% cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa và 80% cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ (theo quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP) áp dụng các biện pháp chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

4. Tổ chức tuyên truyền, khuyến cáo cho người chăn nuôi thực hiện tốt việc chăn nuôi gia súc an toàn dịch bệnh, tuân thủ các nguyên tắc vệ sinh tiêu độc sát trùng chuồng trại, khu vực chăn nuôi theo quy định.

Chương III
NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. NHIỆM VỤ

- Tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh; thực hiện tốt công tác quản lý dịch tễ, chăn nuôi gia súc của tỉnh. Nâng cao vai trò công tác phòng bệnh với phương châm "phòng bệnh hơn chữa bệnh". Khi dịch bệnh xảy ra, phải

chủ động thực hiện các giải pháp chống dịch một cách quyết liệt, đồng bộ và có hiệu quả, hạn chế thấp nhất thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

- Tổ chức hoạt động giám sát dịch bệnh để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm và xử lý triệt để ổ dịch ngay từ khi mới phát hiện, không để lây lan ra diện rộng.

- Hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng cơ sở chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh và chuỗi sản xuất lợn, sản phẩm thịt lợn an toàn bệnh DTLCP.

- Tổ chức tăng đàn, tái đàn đúng quy định để có đủ nguồn lợn an toàn dịch bệnh cung cấp cho thị trường tiêu thụ.

- Xử lý ổ dịch theo quy định của Luật Thú y và Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT và các văn bản hướng dẫn về kỹ thuật của Cục Thú y.

- Tăng cường quản lý công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ đảm bảo an toàn dịch bệnh trong khâu lưu thông, phân phối.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi; vận động người dân tự giác báo cáo khi phát hiện gia súc bị bệnh, gia súc nghi mắc bệnh DTLCP, giảm thiểu các hành vi làm dịch phát sinh và lây lan dịch bệnh; thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng để tiêu diệt tác nhân gây bệnh trong môi trường chăn nuôi; đẩy mạnh áp dụng các biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi và các biện pháp chủ động phòng bệnh.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nội dung

1.1. Tổ chức các hoạt động phòng, chống dịch bệnh và quản lý công tác chăn nuôi

- Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh DTLCP trên địa bàn tỉnh và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

- Tổ chức vệ sinh, tiêu độc khử trùng trên địa bàn tỉnh để cắt đứt đường truyền lây của mầm bệnh, hạn chế sự phát sinh dịch bệnh.

- Tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh bắt buộc trên lợn như Dịch tả cổ điển, Lở mồm long móng,... nhằm nâng cao sức đề kháng của vật nuôi.

- Tổ chức giám sát sự lưu hành của mầm bệnh theo các chương trình của tỉnh và chương trình do trung ương hỗ trợ; kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm và xử lý triệt để ổ dịch ngay từ khi mới phát hiện, không để lây lan diện rộng.

- Triển khai công tác tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh, nguy cơ tái phát dịch bệnh, chăn nuôi an toàn sinh học và an toàn dịch bệnh đến từng đối tượng cụ thể (vận chuyển, buôn bán lợn, người chăn nuôi, cán bộ làm công tác thú y).

- Tổ chức thực hiện các quy định của Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi để giảm thiểu nguy cơ phát sinh dịch bệnh DTLCP.

- Tăng cường phổ biến kiến thức về an toàn sinh học cho các cơ sở chăn nuôi; tổ chức hướng dẫn áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học.

1.2. Giám sát dịch bệnh

a) Giám sát lâm sàng

- Mục đích phát hiện kịp thời các ca bệnh để khoanh vùng, dập dịch kịp thời, giảm thiệt hại về kinh tế do dịch bệnh gây ra cũng như hạn chế sự lây lan của dịch bệnh.

- Tổ chức điều tra ổ dịch và lấy mẫu từ gia súc nghi mắc bệnh để chẩn đoán xác định bệnh.

b) Giám sát lưu hành vi rút

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát lưu hành vi rút DTLCP trên địa bàn tỉnh để cảnh báo, áp dụng các biện pháp xử lý kịp thời ngăn ngừa dịch bệnh.

1.3. Xây dựng cơ sở chăn nuôi, chuỗi sản xuất sản phẩm lợn an toàn dịch bệnh

- Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, khuyến khích các doanh nghiệp chăn nuôi đăng ký xây dựng cơ sở, chuỗi cơ sở sản xuất các sản phẩm chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh; xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động theo đúng quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT để xây dựng các cơ sở an toàn dịch bệnh.

1.4. Tổ chức tăng đàn, tái đàn lợn đảm bảo an toàn

- Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho người chăn nuôi đẩy mạnh việc tái đàn lợn, tăng đàn lợn theo nguyên tắc bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Xây dựng kế hoạch tái đàn phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm cân đối đủ nguồn cung - cầu về thịt lợn.

1.5. Xử lý ổ dịch phát sinh

- Thực hiện tốt nguyên tắc phát hiện sớm, khoanh vùng và dập dịch triệt để, hạn chế lây lan ra diện rộng.

- Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh trên đàn gia súc, cần phải nhanh chóng triển khai các biện pháp chống dịch và xử lý ổ dịch theo quy định của Luật Thú y và Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT và các văn bản hướng dẫn về kỹ thuật của Cục Thú y.

1.6. Tăng cường quản lý công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ động vật

- Kiện toàn hệ thống kiểm dịch, kiểm soát vận chuyển động vật, sản phẩm động vật.

- Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập vào tỉnh chặt chẽ. Tăng cường hoạt động của các Chốt kiểm dịch động vật và Đội kiểm tra liên ngành để kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận chuyển lợn và các sản phẩm từ thịt lợn ra vào tỉnh.

- Kiểm soát, ngăn chặn nhập lậu, vận chuyển, buôn bán bất hợp pháp động vật, sản phẩm động vật qua biên giới.

- Kiểm soát người, phương tiện vận chuyển, mang theo động vật, sản phẩm động (bao gồm cả sản phẩm đã qua chế biến) qua lại cửa khẩu, biên giới.

- Tăng cường kiểm soát hoạt động của các cơ sở giết mổ tập trung đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y để giết mổ, chế biến sản phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh.

1.7. Thông tin, tuyên truyền

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về tính chất nguy hiểm của bệnh DTLCP; đồng thời, xây dựng một số thông điệp về phòng chống bệnh DTLCP trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức các lớp tập huấn phổ biến kiến thức phòng chống bệnh DTLCP; những chủ trương, chính sách của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT về mục tiêu, biện pháp phòng chống dịch để cán bộ chuyên môn, người chăn nuôi biết và thực hiện.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Giải pháp kỹ thuật

2.1.1. Quản lý công tác chăn nuôi

a) Chăn nuôi lợn an toàn sinh học

- Kê khai, cập nhật, khai báo hoạt động chăn nuôi với UBND xã, phường, thị trấn; đảm bảo khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật Chăn nuôi; Thông tư số 20/2019/TT-BNNPTNT và Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT.

- Áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt: cách ly, vệ sinh, sát trùng bằng hóa chất, bằng vôi; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, dụng cụ chăn nuôi bảo đảm áp dụng có hiệu quả các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học theo hướng dẫn tại Công văn số 2163/SNN-CN&TY ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tây Ninh về việc tăng cường một số biện pháp kỹ thuật tổng hợp về an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn để phòng, chống bệnh DTLCP.

- Sử dụng thức ăn dùng cho chăn nuôi có nguồn gốc rõ ràng, đạt tiêu chuẩn theo quy định; hạn chế tối đa việc sử dụng thức ăn thừa, tái chế từ các nhà hàng, khách sạn, khu công nghiệp. Trường hợp sử dụng thức ăn thừa phải xử lý nhiệt để diệt được mầm bệnh trong thức ăn; đồng thời vệ sinh, sát trùng dụng cụ chứa đựng thức ăn trước và sau khi đưa vào khu vực chăn nuôi.

b) Tổ chức nuôi tái đàn lợn

* Nguyên tắc nuôi tái đàn lợn

- Chỉ nuôi tái đàn lợn tại cơ sở chăn nuôi lợn chưa bị bệnh DTLCP hoặc tại cơ sở có bệnh nhưng đã qua 21 ngày và không tái phát bệnh DTLCP; bảo đảm các biện pháp an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh.

- Đối với các huyện, thị xã, thành phố chưa công bố hết bệnh DTLCP, chỉ được nuôi tại cơ sở tập trung chưa bị bệnh DTLCP, đã được chứng nhận an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, được cấp chứng nhận VietGAHP, GlobalGAP hoặc được chính quyền cơ sở, cơ quan thú y địa phương xác nhận đáp ứng đủ yêu cầu an toàn dịch bệnh để tái đàn, tăng đàn.

* Yêu cầu đối với cơ sở nuôi tái đàn lợn

- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi lợn phải kê khai với UBND xã, phường, thị trấn trước khi thực hiện việc nuôi tái đàn lợn, tăng đàn theo quy định của Luật Chăn nuôi và Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT.

- Có chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, con giống, thức ăn nước uống, chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và các biện pháp quản lý cơ sở chăn nuôi theo các quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y hoặc đã được chứng nhận cơ sở an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, VietGAHP, GlobalGAP.

- Định kỳ lấy mẫu môi trường, nước, chất thải,... xét nghiệm khẳng định không có vi rút DTLCP đối với các cơ sở chăn nuôi có quy mô lớn.

* Các bước nuôi tái đàn lợn

- Nuôi chỉ báo với số lượng hợp lý, phù hợp với công suất nuôi của cơ sở để bảo đảm không có dịch bệnh tái phát trong khoảng thời gian ít nhất 21 ngày.

- Hằng ngày theo dõi, giám sát chặt chẽ số lợn nuôi chỉ báo trong thời gian ít nhất 21 ngày; trường hợp cần thiết lấy mẫu xét nghiệm phát hiện mầm bệnh DTLCP (chủ cơ sở có thể tự lấy dưới sự giám sát của cán bộ thú y hoặc cán bộ thú y cơ sở thực hiện việc lấy mẫu). Trường hợp nghi lợn bị bệnh, phải khai báo ngay cho chính quyền, cơ quan thú y và áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định.

- Sau khi nuôi chỉ báo ít nhất 21 ngày, nếu lợn không có biểu hiện bệnh hoặc mẫu xét nghiệm cho kết quả âm tính với bệnh DTLCP (áp dụng đối với trường hợp lấy mẫu xét nghiệm), thực hiện nuôi tái đàn thận trọng và có thể nuôi đạt 100% quy mô chăn nuôi của cơ sở.

- Chính quyền địa phương và cơ quan thú y tổ chức kiểm tra, xác nhận điều kiện nuôi tái đàn; tăng cường việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi và công tác phòng, chống dịch bệnh.

2.1.2. Giám sát dịch bệnh

a) Giám sát chủ động

- Chủ cơ sở nuôi lợn, thú y cơ sở chủ động theo dõi, giám sát đàn lợn. Trường hợp phát hiện lợn bệnh, nghi mắc bệnh DTLCP, lợn chết không rõ nguyên nhân hoặc lợn, sản phẩm của lợn nhập lậu, nghi nhập lậu, không rõ nguồn gốc thì báo cơ quan thú y địa phương; cơ quan thú y thực hiện việc lấy mẫu để xét nghiệm bệnh DTLCP trước khi xử lý tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

- Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện chủ động lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút DTLCP tại cơ sở chăn nuôi, hộ chăn nuôi, chợ buôn bán, cơ sở kinh doanh, thu gom, điểm trung chuyển, cơ sở giết mổ lợn, cơ sở chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ lợn, sản phẩm lợn nhập lậu bị bắt giữ trên địa bàn tỉnh, môi trường chăn nuôi tại các địa bàn có nguy cơ cao.

b) Giám sát bị động

- Cơ quan chuyên ngành thú y tổ chức lấy mẫu để xét nghiệm vi rút DTLCP và chẩn đoán phân biệt đối với: đàn lợn nuôi có biểu hiện nghi ngờ bệnh DTLCP; đàn lợn nghi có tiếp xúc với đàn lợn mắc bệnh DTLCP; lợn rừng, lợn cảnh, lợn hoang dã, lợn tại vườn quốc gia bị ốm, chết không rõ nguyên nhân; mẫu môi trường; điều tra xác định nguyên nhân nếu nghi đàn lợn bị bệnh DTLCP.

- Điều tra ổ dịch, truy tìm nguồn bệnh: Chính quyền địa phương chỉ đạo, phối hợp cùng Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành điều tra ổ dịch (hộ, cơ sở chăn nuôi bị nhiễm DTLCP). Việc điều tra ổ dịch được triển khai tối thiểu 21 ngày trở về trước (trước khi xuất hiện dấu hiệu lâm sàng tại ca bệnh đầu tiên) và sẽ tiếp tục kéo dài đến thời điểm áp dụng các biện pháp kiểm soát ổ dịch.

2.1.3. Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh

- Xây dựng kế hoạch giám sát dịch bệnh theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT.

- Hướng dẫn, tổ chức xây dựng cơ sở, chuỗi sản xuất các sản phẩm chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp chăn nuôi có tiềm năng xây dựng các chuỗi sản xuất sản phẩm chăn nuôi lợn đạt tiêu chuẩn an toàn dịch bệnh nhằm đáp ứng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động theo đúng quy định để xây dựng các cơ sở an toàn dịch bệnh như: kiểm tra đánh giá, lấy mẫu xét nghiệm,….

2.1.4. Tiêu hủy lợn mắc bệnh, nghi mắc bệnh DTLCP

- Tiêu hủy toàn bộ lợn mắc bệnh, lợn chết, lợn có kết quả xét nghiệm dương tính với mầm bệnh DTLCP.

- Biện pháp tiêu hủy: UBND các huyện, thị xã, thành phố tham khảo, lựa chọn và áp dụng các biện pháp tiêu hủy lợn, sản phẩm từ lợn có mầm bệnh phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế, theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Đối với lợn khỏe mạnh tại cơ sở có lợn mắc bệnh DTLCP hoặc tại các cơ sở chưa có lợn mắc bệnh nhưng nằm trong vùng dịch khi có kết quả xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP có thể được vận chuyển, giết mổ theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2.1.5. Kiểm soát vận chuyển, buôn bán lợn, sản phẩm từ lợn

a) Trong trường hợp không có bệnh DTLCP

- Tổ chức kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển lợn và sản phẩm lợn tại nơi xuất phát: Thực hiện nghiêm các quy trình kiểm dịch vận chuyển, các quy định, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT; vệ sinh và phun thuốc sát trùng phương tiện, dụng cụ vận chuyển; vệ sinh, sát trùng người tham gia vận chuyển; tổ chức lấy mẫu đối với các trường hợp lợn nghi mắc bệnh, sản phẩm lợn nghi mang mầm bệnh để kịp thời phát hiện, xử lý triệt để bảo đảm không làm lây lan dịch bệnh.

- Tại các huyện, thị xã, thành phố giáp với địa phương đang có dịch, bố trí đầy đủ lực lượng liên ngành: Thú y, Quản lý thị trường, Công an và các lực lượng liên quan để tổ chức kiểm soát chặt chẽ đối với lợn và sản phẩm lợn vận chuyển qua địa bàn tỉnh.

- Tổ chức phun thuốc sát trùng, tiêu độc các phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, vật dụng chứa đựng đi qua trạm kiểm dịch động vật, chốt kiểm dịch động vật tạm thời tại đầu mối giao thông.

- Tổ chức kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển lợn và sản phẩm lợn tại nơi đến: Thực hiện nghiêm các quy trình kiểm dịch vận chuyển, các quy định, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT; vệ sinh và phun thuốc sát trùng các phương tiện vận chuyển và người tham gia vận chuyển.

- Tổ chức kiểm soát hoạt động vận chuyển hàng hóa khu vực biên giới, cửa khẩu, kịp thời phát hiện hoạt động vận chuyển, nhập lậu lợn, sản phẩm lợn vào địa bàn tỉnh.

- Tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật đối với tất cả các lô hàng lợn, sản phẩm lợn nhập lậu, không rõ nguồn gốc bị bắt giữ.

- Những huyện, thị xã, thành phố không có đường biên giới nếu phát hiện lợn, sản phẩm lợn không rõ nguồn gốc hoặc nhập lậu hoặc nghi nhập lậu đi qua địa bàn cần kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Trong trường hợp có bệnh DTLCP

- Đối với lợn khỏe mạnh trong cùng ô chuồng, dãy chuồng có lợn mắc bệnh, lấy mẫu và có kết quả xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP thì được vận chuyển để tiêu thụ tại địa bàn cấp huyện.

- Đối với lợn khỏe mạnh tại ô chuồng, dãy chuồng chưa có lợn mắc bệnh, lấy mẫu và có kết quả xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP được vận chuyển để nuôi hoặc tiêu thụ thuộc địa bàn cấp tỉnh.

- Cơ sở chăn nuôi đã được công nhận an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học hoặc đã tham gia chương trình giám sát, lấy mẫu có kết quả xét nghiệm âm tính các bệnh (bao gồm cả bệnh DTLCP), lợn không có triệu chứng của bệnh DTLCP trong vòng 21 ngày trước thời điểm vận chuyển, được phép vận chuyển ra khỏi vùng có dịch theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh. Trường hợp vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh phải đáp ứng yêu cầu vận chuyển trong tỉnh và phải được thực hiện kiểm dịch theo quy định pháp luật thú y.

- Việc vận chuyển lợn, sản phẩm lợn được thực hiện theo quy định pháp luật về thú y trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật và theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2.1.6. Quản lý giết mổ lợn và việc tiêu thụ các sản phẩm thịt lợn

a) Yêu cầu đối với cơ sở giết mổ lợn

- Cơ sở giết mổ tập trung bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thú y và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung (QCVN 01 -150:2017/BNNPTNT ban hành kèm theo Thông tư số 13/2017/TT-BNNPTNT).

- Cơ sở giết mổ nhỏ lẻ bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Thú y.

- Được cơ quan quản lý chuyên môn thẩm định, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định; trừ trường hợp cơ sở đã có Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

- Có nhân viên thú y thực hiện việc kiểm soát giết mổ theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT.

b) Yêu cầu đối với lợn được đưa vào giết mổ

- Bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT

- Có kết quả xét nghiệm âm tính với bệnh DTLCP từ cơ sở chăn nuôi lợn ở trong vùng dịch thuộc phạm vi trong và ngoài địa bàn cấp tỉnh theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Trường hợp lợn được vận chuyển từ tỉnh khác phải có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nơi xuất phát theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

- Được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật thú y và QCVN 01-100:2012/BNNPTNT (ban hành kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện vệ sinh thú y).

c) Quản lý tiêu thụ thịt lợn và sản phẩm từ lợn của các cơ sở giết mổ

Thịt lợn và sản phẩm từ lợn được buôn bán và tiêu thụ trên phạm vi toàn quốc trong trường hợp đáp ứng yêu cầu sau:

- Được giết mổ, sơ chế tại các cơ sở giết mổ được thẩm định, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

- Thịt lợn và sản phẩm từ lợn sau khi giết mổ phải vận chuyển bằng phương tiện vận chuyển lạnh chuyên dụng đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật Thú y và QCVN 01-100:2012/BNNPTNT (ban hành kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BNNPTNT) khi đi tiêu thụ.

- Đảm bảo theo các quy định của pháp luật về thú y và an toàn thực phẩm.

d) Trong trường hợp có bệnh DTLCP

Lợn được vận chuyển để giết mổ phải đáp ứng quy định tại điểm b, khoản 2.1.5 "Kiểm soát vận chuyển, buôn bán lợn, sản phẩm từ lợn", Mục 2.1 " Giải pháp kỹ thuật".

2.1.7. Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng

a) Khi chưa có dịch xảy ra

- Đối với các trang trại chăn nuôi quy mô vừa, lớn: hướng dẫn thực hiện tốt các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt.

- Đối với các trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ: hướng dẫn thường xuyên thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh, phun thuốc sát trùng, tiêu độc nhằm tiêu diệt các loại mầm bệnh, trong đó có vi rút DTLCP.

- Định kỳ tổ chức vệ sinh, tiêu độc tại các khu vực chăn nuôi, các chợ, điểm buôn bán và giết mổ lợn bằng vôi bột (có độ pH $\geq$ 12) hoặc hóa chất khử trùng tiêu chuẩn dùng trong thú y; thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc sau mỗi buổi họp chợ, mỗi ca giết mổ lợn; vệ sinh, khử trùng, tiêu độc đối với người, phương tiện ra vào khu vực chăn nuôi theo đúng quy trình kỹ thuật chăn nuôi, vệ sinh phòng dịch.

- Thực hiện các đợt tiêu độc khử trùng môi trường do Bộ Nông nghiệp và PTNT phát động. Ngoài ra, căn cứ tình hình thực tế, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ động tham mưu UBND tỉnh kế hoạch triển khai thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng để tiêu diệt tác nhân gây bệnh trong môi trường chăn nuôi.

b) Khi xảy ra dịch

- Tại ổ dịch (xã, phường có dịch) và vùng bị dịch uy hiếp (các xã, phường tiếp giáp với ổ dịch): Thực hiện việc tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc liên tục 01 lần/ngày trong vòng 1 tuần đầu tiên; 03 lần/tuần trong 2 tuần tiếp theo.

- Vùng đệm (các xã, phường tiếp giáp với vùng bị dịch uy hiếp): Thực hiện việc tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc với tần suất 01 lần/tuần liên tục cho đến khi kết thúc ổ dịch.

2.2. Giải pháp truyền thông

a) Tuyên truyền

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, nhất là người chăn nuôi, buôn bán, vận chuyển, giết mổ lợn về cách phòng, chống dịch bệnh; công tác tuyên truyền gắn với khu dân cư, tổ tự quản; hình thức tuyên truyền phải đa dạng, trong đó có lồng ghép vào các chương trình khác.

- Trong quá trình thực hiện, tùy điều kiện cụ thể, ngoài các hình thức tuyên truyền thông thường như tuyên truyền trên Đài Truyền thanh, phát tờ rơi, treo áp phích, viết bài đăng báo.. có thể sử dụng các hình thức khác như làm phim chuyên mục, tọa đàm, tổ chức hội thảo….

b) Tập huấn

- Có kế hoạch tổ chức tập huấn cho cán bộ thú y, người chăn nuôi, thương lái, cơ sở giết mổ về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; chủ trương và kế hoạch phòng chống dịch bệnh của tỉnh, về tầm quan trọng của việc xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn về giám sát, xử lý ổ dịch cho cán bộ làm công tác thú y tại cơ sở.

2.3. Giải pháp về chính sách hỗ trợ

a) Chính sách hỗ trợ tiêu hủy gia súc mắc bệnh, chết do dịch bệnh được thực hiện theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tài chính thường xuyên theo dõi, cập nhật các chính sách mới của Chính phủ hỗ trợ cho các đối tượng chăn nuôi bị thiệt hại do dịch bệnh gây ra; các đối tượng tham gia công tác phòng, chống DTLCP để tham mưu đề xuất cho UBND tỉnh.

- Triển khai các chính sách hỗ trợ cho công tác phòng, chống dịch DTLCP.

b) Chính sách xây dựng các Trạm kiểm dịch động vật, đội kiểm tra liên ngành

- Trạm kiểm dịch động vật do UBND tỉnh quyết định thành lập trên cơ sở quy định của Trung ương (nếu có); ngân sách tỉnh hỗ trợ việc xây dựng Trạm kiểm dịch động vật.

- Khi xảy ra dịch bệnh, tùy tình hình thực tế, UBND các huyện, thị xã, thành phố sẽ thành lập các chốt kiểm soát vận chuyển động vật, sản phẩm động vật hoặc các Đội kiểm tra liên ngành để kiểm soát dịch bệnh và bố trí kinh phí cho hoạt động của chốt, đội.

III. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

1. Ngân sách địa phương

Hằng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước lập dự toán kinh phí phòng, chống dịch bệnh DTLCP trên địa bàn gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt và cấp kinh thực hiện, cụ thể:

a) Nguồn ngân sách Trung ương: trong trường hợp khi có dịch xảy ra trên diện rộng và Trung ương có chính sách hỗ trợ thì thực hiện theo cơ chế tài chính của Trung ương.

b) Nguồn ngân sách tỉnh

Đảm bảo kinh phí cho các hoạt động của tỉnh, bao gồm: mua sắm dụng cụ, trang bị bảo hộ dùng trong phòng, chống dịch bệnh; dự phòng kinh phí mua vắc xin khi có khuyến cáo sử dụng loại vắc xin phòng, chống DTLCP từ Trung ương; chủ động giám sát lưu hành vi rút DTLCP; xây dựng các chuỗi chăn nuôi lợn, vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh; điều tra ổ dịch, lấy mẫu, xét nghiệm mẫu; các hoạt động chống dịch; các hoạt động kiểm tra, giám sát; hội nghị về phòng, chống DTLCP của địa phương ở cấp tỉnh, thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng do Trung ương phát động; kinh phí mua hóa chất dự phòng, chống dịch.

Kinh phí xây dựng các mô hình áp dụng các biện pháp tái đàn lợn hiệu quả; các chính sách khuyến khích, hỗ trợ chăn nuôi lợn phát triển bền vững phù hợp với tình hình thực tiễn của các địa phương.

Kinh phí cho người dân có lợn buộc tiêu hủy, hỗ trợ khôi phục sản xuất chăn nuôi và công chống dịch cho các lực lượng tham gia chống dịch (khi có đề nghị hỗ trợ từ cấp huyện).

c) Nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố: Đảm bảo kinh phí cho các hoạt động của tuyến huyện triển khai thực hiện, bao gồm: mua sắm dụng cụ, trang bị bảo hộ dùng trong phòng, chống dịch bệnh, tiêu hủy lợn; hỗ trợ kinh phí cho người chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy do DTLCP và hỗ trợ lực lượng tham gia phòng chống dịch.

3. Kinh phí do người dân tự bảo đảm

Tổ chức, cá nhân chăn nuôi lợn phải đảm bảo chi trả kinh phí cho tiêm phòng vắc xin các bệnh nguy hiểm, kế phát cho đàn lợn; lấy mẫu, xét nghiệm mẫu khi thực hiện kiểm dịch vận chuyển hoặc khi có nhu cầu giết mổ tiêu thụ; phí, lệ phí kiểm dịch vận chuyển lợn, sản phẩm lợn ngoại tỉnh; vôi bột, hóa chất khử trùng.

Tổ chức, cá nhân kinh doanh, vận chuyển lợn, sản phẩm của lợn bị bệnh, nghi bị bệnh chi trả kinh phí lấy mẫu, xét nghiệm và tiêu hủy.

3. Nguồn kinh phí khác: Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân để thực hiện Kế hoạch.

Chương IV
KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2021- 2025 thuộc ngân sách cấp tỉnh là **5.495.000.000** đồng.

Phân kỳ nguồn vốn đầu tư từng năm như sau:

- Năm 2021: 1.110.000.000 đồng.
- Năm 2022: 1.110.000.000 đồng.
- Năm 2023: 1.115.000.000 đồng.
- Năm 2024: 1.090.000.000 đồng.

- Năm 2025: 1.070.000.000 đồng.

(Phụ lục kèm theo).

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh DTLCP theo quy định của Luật Thú y, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thú y và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phòng, chống dịch bệnh.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan và chính quyền địa phương triển khai thực hiện sau khi "Kế hoạch phòng, chống bệnh DTLCP, giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh" được phê duyệt.

- Tổ chức hướng dẫn xây dựng các chuỗi cơ sở, các vùng, chuỗi sản xuất các sản phẩm lợn an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học.

- Tổ chức tập huấn về xây dựng cơ sở, vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác phòng, chống dịch DTLCP tại cơ sở.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh con giống, kế hoạch chăn nuôi, kế hoạch tái đàn tại các huyện, thị xã, thành phố; xây dựng mô hình truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong chuỗi chăn nuôi lợn.

- Tăng cường nhân lực cán bộ thú y cho việc kiểm soát giết mổ; tiếp tục thực hiện Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025 để thu hút các nhà đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ động vật có hệ thống cấp đông, bảo quản lạnh, bảo quản mát đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp các sở, ngành, địa phương có liên quan kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực chăn nuôi áp dụng các biện pháp an toàn sinh học, cơ sở giết mổ và chế biến tiêu thụ sản phẩm đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

4. Sở Y tế

Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan trong việc kiểm tra đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, rà soát, đánh giá thực trạng hệ thống kênh phân phối, cung ứng, lò mổ và đầu mối bán buôn, bán lẻ đối với mặt hàng thịt lợn; tăng cường công tác bình ổn giá mặt hàng thịt lợn, không để xảy ra tình trạng đầu cơ trục lợi đẩy giá bất hợp lý gây thiệt hại cho người tiêu dùng và ảnh hưởng đến phát triển chăn nuôi.

6. Sở Giao thông Vận tải

- Kiểm tra các phương tiện vận tải vận chuyển lợn, sản phẩm lợn không rõ nguồn gốc, xử lý nghiêm các chủ phương tiện vi phạm.

- Chỉ đạo lực lượng thanh tra giao thông và các đơn vị có liên quan phối hợp với lực lượng quản lý thị trường, thú y, công an đấu tranh, xử lý các trường hợp buôn bán, vận chuyển lợn, sản phẩm lợn không rõ nguồn gốc tại các bến xe, đầu mối giao thông.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch nghiên cứu các giải pháp khoa học kỹ thuật phục vụ công tác phòng, chống bệnh DTLCP.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các biện pháp xử lý môi trường phục vụ công tác phòng, chống dịch DTLCP.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền phòng, chống bệnh DTLCP giai đoạn 2021 – 2025; tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi.

- Tổ chức công tác truyền thông nguy cơ dịch DTLCP, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh để người dân không hoang mang, chủ động áp dụng các biện pháp phòng bệnh.

10. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh kiện toàn, củng cố và tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y nhất là tại cơ sở theo quy định của Luật Thú y để bảo đảm lực lượng tổ chức phòng, chống dịch bệnh có hiệu quả.

11. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ cho khách hàng bị thiệt hại do ảnh hưởng bởi DTLCP; quan tâm bố trí nguồn vốn cho vay mới để tổ chức tái đàn, mở rộng quy mô đàn lợn.

12. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Chỉ đạo lực lượng Bộ đội Biên phòng phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng của các đơn vị có liên quan và chính quyền địa phương trong việc ngăn chặn nhập lậu lợn, sản phẩm lợn trên tuyến biên giới, cửa khẩu, đường mòn, lối mở; đồng thời làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tuyên truyền cho Nhân dân khu vực biên giới về tác hại của việc vận chuyển, kinh doanh lợn, sản phẩm của lợn nhập khẩu trái phép để người dân hiểu, không tham gia, tiếp tay cho buôn lậu.

13. Công an tỉnh

Chỉ đạo lực lượng Công an phối hợp với các đơn vị có liên quan đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các trường hợp buôn bán, vận chuyển lợn, sản phẩm lợn không rõ nguồn gốc; lập chuyên án đấu tranh với các đối tượng vận chuyển, buôn bán lợn, sản phẩm lợn nhập lậu qua biên giới.

14. Ban Chỉ đạo Chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tỉnh (Ban chỉ đạo 389 tỉnh), Cục Quản lý thị trường tỉnh

- Phối hợp với lực lượng thú y, công an, thanh tra giao thông đấu tranh, xử lý các trường hợp buôn bán, vận chuyển lợn, sản phẩm lợn không rõ nguồn gốc xuất xứ, chưa qua kiểm dịch trên thị trường nhằm ngăn chặn bệnh DTLCP.

- Chủ động chia sẻ thông tin, dữ liệu với Sở Nông nghiệp và PTNT; phối hợp tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật theo quy định.

15. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Trên cơ sở kế hoạch chung của tỉnh, xây dựng kế hoạch phòng, chống bệnh DTLCP của huyện, chủ động ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện; bố trí nguồn lực, vật tư, phương tiện, quỹ đất để chống dịch, tiêu hủy động vật mắc bệnh khi có dịch. Bố trí nguồn kinh phí nêu trong phần cơ chế chính sách thuộc trách nhiệm của cấp huyện.

- Chủ trì, phối hợp với với Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện việc khai báo tái đàn và kê khai các cơ sở chăn nuôi theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BNNPTNT và Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT.

- Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện công tác phòng, chống dịch, đặc biệt công tác giám sát, phát hiện và xử lý ổ dịch.

- Rà soát các cơ sở giết mổ động vật trên địa bàn, đặc biệt là các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ; kiên quyết không cho giết mổ nếu cơ sở hoạt động không phép hoặc không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan chức năng có liên quan như quản lý thị trường, công an trong việc kiểm tra, kiểm soát và xử lý các trường hợp vi phạm về kiểm dịch, kiểm soát vận chuyển động vật và sản phẩm động vật.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan rà soát, định hướng quy hoạch phát triển và kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của địa phương.

- Riêng đối với vùng biên giới, UBND huyện tăng cường phối hợp với lực lượng biên phòng và các ban, ngành có liên quan trong công tác kiểm tra kiểm soát, đồng thời tích cực tuyên truyền cho người dân không buôn bán vận chuyển động vật, đặc biệt là lợn và sản phẩm của lợn không rõ nguồn gốc qua biên giới, qua đó tăng cường nhận thức về sự nguy hiểm của bệnh DTLCP; hạn chế sự xâm nhiễm của mầm bệnh vào địa bàn tỉnh.

16. Các doanh nghiệp, người chăn nuôi, người vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi lợn

- Tham gia thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh theo chỉ đạo, đề nghị của cơ quan chuyên môn hoặc cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện các quy định hiện hành của pháp luật về chăn nuôi, thú y, phòng, chống dịch bệnh.

- Phối hợp tốt với cơ quan chức năng, thông báo kịp thời khi phát hiện tình trạng lợn bệnh, chết; tình trạng vứt xác lợn ốm chết ra môi trường, hiện tượng bán chạy lợn bệnh, không tuân thủ các biện pháp chống dịch của người chăn nuôi.

- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi lợn phải đảm bảo chi trả cho tiêm phòng vắc xin các bệnh nguy hiểm, kế phát cho đàn lợn; lấy mẫu, xét nghiệm mẫu khi thực hiện kiểm dịch vận chuyển hoặc khi có nhu cầu giết mổ tiêu thụ; phí, lệ phí kiểm dịch vận chuyển lợn, sản phẩm lợn ngoại tỉnh; vôi bột, hóa chất khử trùng.

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh, vận chuyển lợn, sản phẩm của lợn bị bệnh, nghi bị bệnh chi trả kinh phí lấy mẫu, xét nghiệm và tiêu hủy (nếu bị bệnh)./.

Phụ Lục I

DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Stt	Nội dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	**CHI PHÍ PHÒNG BỆNH**				**1.003.239.000**	
I	**Tiêu độc khử trùng**				**943.015.000**	thực tế
1	***Chi phí 02 đợt sát trùng***				***937.615.000***	
a	Tiền mua thuốc sát trùng tiêu độc định kỳ: 2.500 lit/đợt	lít	5.000	147.000	735.000.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
b	Chi phí đăng tải gói thầu thuốc sát trùng	lần	1	165.000	165.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
c	Chi phí thẩm định giá thuốc sát trùng	lần	1	2.750.000	2.750.000	Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT
d	Tiền mua vỏ chai đựng thuốc sát trùng (1lit/10 chai)	chai	50.000	850	42.500.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
e	Tiền công dán nhãn, san nhỏ và phát thuốc sát trùng	lít	5.000	30.000	150.000.000	Thực tế
g	Vận chuyển thuốc sát trùng về các huyện, thành phố	huyện	18	300.000	5.400.000	Thực tế
h	Tiền mua keo, photo nhãn dán chai đựng thuốc sát trùng	huyện	18	100.000	1.800.000	Thực tế
2	***Chi phí hỗ trợ đi kiểm tra giám sát thực địa công tác tiêu độc khử trùng***				***5.400.000***	
	Cấp tỉnh: 01 người/ngày x 01 ngày x 9 huyện x 2 đợt	ngày	18	100.000	1.800.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
	Cấp huyện: 02 người x 01 ngày x 100.000 đ/ngày x 9 huyện x 2 đợt	ngày	36	100.000	3.600.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
II	**Tập huấn (01 lớp)**				**11.600.000**	
	- Tiền thuê ghế hoặc thuê hội trường	Lần	1	300.000	300.000	thực tế
	- Hỗ trợ tiền trang trí hội trường	Lần	1	350.000	350.000	thực tế
	- Tiền giải khát giữa giờ (nước uống...)	Người	70	30.000	2.100.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
	-Tiền tài liệu	Người	70	15.000	1.050.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
	- Hỗ trợ tiền ăn	Người	70	80.000	5.600.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
	-Tiền bồi dưỡng giáo viên	ngày	1	1.000.000	1.000.000	Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND
	- Hỗ trợ tiền công đi mời: 10 công / lớp	Công	10	100.000	1.000.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
	- Hỗ trợ tiền công phục vụ lớp học	công	2	100.000	200.000	thực tế
III	**Thông tin Tuyên truyền**				**25.100.000**	
1	***Tuyên truyền về chuyên đề DTLCP trên đài truyền thanh huyện, thành phố: 2 cuộc/huyện x 9 huyện***	cuộc	18	200.000	***3.600.000***	Thực tế

2	***Thực hiện phim chuyên mục: xây dựng cơ sở chăn nuôi lợn ATDB***				***21.500.000***	
	Phóng sự chính luận 10 phút (phim chuyên mục)	Phim	1	20.000.000	20.000.000	Công văn số 531/PTTH-TCHC ngày 14/8/2020
	Chi thù lao người thực hiện thao tác, hướng dẫn kỹ thuật	Người	2	150.000	300.000	Quyết định 53/2015/QĐ-UBND
	Tiền thuê xe đi quay chuyên mục	chuyến	1	1.200.000	1.200.000	Quyết định 53/2015/QĐ-UBND
IV	**Giám sát chủ động**				**23.524.000**	
1.	***Tiền mua vật tư lấy mẫu: 27 mẫu gộp (từ 03-05 con heo gộp thành 01 mẫu gộp; 03 mẫu gộp/huyện/ 9 huyện)***				**1.750.000**	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Ống tiêm 5ml	hộp	2	120.000	240.000	
	- Kim lấy máu số 18	cây	200	2.200	440.000	
	- Cồn 90	lọ	20	5.500	110.000	
	- Găng tay y tế	hộp	3	100.000	300.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Khẩu trang y tế	hộp	3	40.000	120.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Thuốc sát trùng : 01 gói (chai)/ mẫu x 27 mẫu	gói	27	20.000	540.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
2	***Chi phí lấy mẫu***				***6.030.000***	
a	Tiền công lấy mẫu				***2.430.000***	
	15 mẫu đơn/huyện x 9 huyện x 18.000 đ/mẫu	mẫu	135	18.000	2.430.000	Thông tư 283/2016/TT-BTC
b	Công tác phí cho cán bộ thú y đi lấy mẫu				***1.800.000***	
	02 người/huyện x 9 huyện x 100.000 đ/người/ngày	công	18	100.000	1.800.000	Quyết định 22/2018/QĐ-UBND
c	Hỗ trợ cán bộ thú y tỉnh giám sát lấy mẫu				***900.000***	
	100.000 đồng/ngày/huyện x 9 huyện	công	9	100.000	900.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
d	Chi phí photo biên bản, mua viết lông dầu,…	huyện	9	100.000	***900.000***	thực tế
3	***Chi phí xét nghiệm bệnh Dịch tả lợn Châu phi***				**15.744.000**	
a.	Phí xét nghiệm				***14.094.000***	
	- Phát hiện vi rút Dịch tả lợn Châu Phi bằng phương pháp RT-PCR	Mẫu	27	522.000	14.094.000	Quyết định 1790/QĐ-TYV6
b	Phí gửi mẫu xét nghiệm tại Chi cục Thú y vùng VI (TPHCM)				***1.650.000***	
	- Tiền thuê xe đi gửi mẫu	chuyến	1	1.500.000	1.500.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Công tác phí cho người gửi mẫu: 1 người/ đợt x 1 đợt	người	1	150.000	150.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
B	**CHI PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG CHỐNG DỊCH**				**68.525.000**	
I	**Vật tư phục vụ công tác chống dịch**				**12.150.000**	
1	Ủng có đế	Đôi	50	75.000	3.750.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
2	Khẩu trang y tế : 1 hộp/huyện + 01 hộp tại văn phòng	Hộp	10	40.000	400.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
3	Găng tay y tế: 1 hộp/huyện + 01 hộp tại văn phòng	Hộp	10	100.000	1.000.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
4	Đồ bảo hộ	Bộ	100	40.000	4.000.000	
5	Găng tay dài	đôi	50	16.000	800.000	

6	Bình phun thuốc sát trùng cầm tay loại 4 lit (9 huyện + văn phòng chi cục)	cái	10	220.000	2.200.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
II	**Lấy mẫu giám sát khi phát hiện gia súc bệnh**				**24.175.000**	
1	***Dụng cụ lấy mẫu***				**1.455.000**	Theo giá thị trường tại thời điểm
a	Bao bì đựng mẫu (bọc nilon, thun, bút lông, thùng xốp…) 01 bộ/mẫu	bộ	10	100.000	***1.000.000***	
b	Cồn 90	chai	10	5.500	***55.000***	
c	Thuốc sát trùng xử lý dụng cụ mổ khám, khu vực mổ khám	chai	20	20.000	***400.000***	
2	***Phí xét nghiệm***				***5.220.000***	
	- Phát hiện vi rút Dịch tả lợn Châu Phi bằng phương pháp RT-PCR	Mẫu	10	522.000	5.220.000	Quyết định 1790/QĐ-TYV6
3	***Hỗ trợ công tác phí đi lấy mẫu***	công	10	100.000	***1.000.000***	QĐ 22/2018/QĐ-UBND
4	***Phí gửi mẫu xét nghiệm***				***15.000.000***	
	Tiền thuê xe đi gởi mẫu tại Chi cục Thú y Vùng VI-Tp. HCM	chuyến	10	1.500.000	15.000.000	thực tế
5	***Công tác phí gửi mẫu: 1 người/ đợt x 10 đợt***	người	10	150.000	***1.500.000***	QĐ 22/2018/QĐ-UBND
III	**Xử lý ổ dịch nhỏ lẻ phát sinh**				**32.200.000**	
1	***Tiền hỗ trợ cho chủ gia súc có lợn bị tiêu hủy (1.000 kg x 30.000 đ/kg)***	kg	1.000	30.000	***30.000.000***	QĐ 2375/QĐ-UBND
2	***Tiền công chôn lấp (200.000 đ/người/ngày x 05 người)***	công	5	200.000	***1.000.000***	thực tế
3	***Chi phí mua vôi bột (10 kg/bao)***	bao	20	60.000	***1.200.000***	
C	**CHI PHÍ CHỈ ĐẠO KIỂM TRA**				**12.600.000**	
1	Tiền thuê xe đi kiểm tra tình hình dịch bệnh 01 chuyến/huyện x 9 huyện	chuyến	9	1.200.000	10.800.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
2	Hỗ trợ công tác phí đi xác minh thông tin dịch bệnh cho cán bộ thú y: 2 người/lần x 100.000 đ/ lần x 9 lần	công	18	100.000	1.800.000	Quyết định 22/2018/QĐ-UBND
D	**CHI PHÍ KHÁC**				**25.636.000**	
1	Vật tư văn phòng cho 09 huyện và Chi cục (Giấy A4, mực in, bìa nút, cặp ba dây, viết,…) cước bưu điện				***8.000.000***	

Phụ Lục II

DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Stt	Nội dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	**CHI PHÍ PHÒNG BỆNH**				**970.139.000**	
I	**Tiêu độc khử trùng**				**943.015.000**	thực tế
1	***Chi phí 02 đợt sát trùng***				***937.615.000***	
a	Tiền mua thuốc sát trùng tiêu độc định kỳ: 2.500 lit/đợt	lít	5.000	147.000	735.000.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
b	Chi phí đăng tải gói thầu thuốc sát trùng	lần	1	165.000	165.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
c	Chi phí thẩm định giá thuốc sát trùng	lần	1	2.750.000	2.750.000	
d	Tiền mua vỏ chai đựng thuốc sát trùng (1lit/10 chai)	chai	50.000	850	42.500.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
e	Tiền công dán nhãn, san nhỏ và phát thuốc sát trùng	lít	5.000	30.000	150.000.000	Thực tế
g	Vận chuyển thuốc sát trùng về các huyện, thành phố	huyện	18	300.000	5.400.000	Thực tế
h	Tiền mua keo, photo nhãn dán chai đựng thuốc sát trùng	huyện	18	100.000	1.800.000	Thực tế
2	***Chi phí hỗ trợ đi kiểm tra giám sát thực địa công tác tiêu độc khử trùng***				***5.400.000***	
	Cấp tỉnh: 01 người/ngày x 01 ngày x 9 huyện x 2 đợt	ngày	18	100.000	1.800.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
	Cấp huyện: 02 người / 01 ngày x 100.000 đ/ngày x 9 huyện x 2 đợt	ngày	36	100.000	3.600.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
II	**Tuyên truyền**				**3.600.000**	
	Tuyên truyền về chuyên đề DTLCP trên đài truyền thanh huyện, thành phố: 2 cuộc/huyện x 9 huyện	cuộc	18	200.000	***3.600.000***	Thực tế
III	**Giám sát dịch bệnh chủ động**				**23.524.000**	
1.	***Tiền mua vật tư lấy mẫu: 27 mẫu gộp (05 con heo gộp thành 01 mẫu gộp; 03 mẫu gộp/huyện/ 9 huyện)***				**1.750.000**	
	- Ống tiêm 5ml	hộp	2	120.000	240.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Kim lấy máu số 18	cây	200	2.200	440.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Cồn 90	lọ	20	5.500	110.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Găng tay y tế	hộp	3	100.000	300.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Khẩu trang y tế	hộp	3	40.000	120.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Thuốc sát trùng : 01 gói (chai)/ mẫu x 27 mẫu	gói	27	20.000	540.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
2	***Chi phí lấy mẫu***				***6.030.000***	

a	Tiền công lấy mẫu				***2.430.000***	
	15 mẫu đơn/huyện x 9 huyện x 18.000 đ/mẫu	mẫu	135	18.000	2.430.000	Thông tư 283//2016/TT-BTC
b	Công tác phí cho cán bộ thú y đi lấy mẫu				***1.800.000***	Quyết định 22/2018/QĐ-UBND
	02 người/huyện x 9 huyện x 100.000 đ/người/ngày	công	18	100.000	1.800.000	
c	Hỗ trợ cán bộ thú y tỉnh giám sát lấy mẫu				***900.000***	
	100.000 đồng/ngày/huyện x 9 huyện	công	9	100.000	900.000	Quyết định 22/2018/QĐ-UBND
d	Chi phí photo biên bản, mua viết lông dầu,…	huyện	9	100.000	***900.000***	thực tế
3	***Chi phí xét nghiệm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi***				**15.744.000**	
a.	Phí xét nghiệm				***14.094.000***	
	- Phát hiện vi rút Dịch tả lợn Châu Phi bằng phương pháp RT-PCR	Mẫu	27	522.000	14.094.000	Quyết định 1790/QĐ-TYV6
b	Phí gửi mẫu xét nghiệm tại TPHCM				***1.650.000***	
	Tiền thuê xe đi gửi mẫu tại Chi cục thú y Vùng VI - TPHCM	chuyến	1	1.500.000	1.500.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	Công tác phí cho người gửi mẫu: 1 người/ đợt x 1 đợt	người	1	150.000	150.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
B	**CHI PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG CHỐNG DỊCH**				**99.725.000**	
I	**Vật tư phục vụ công tác chống dịch**				**43.350.000**	
1	Ủng có đế	Đôi	50	75.000	3.750.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
2	Khẩu trang y tế : 1 hộp/huyện + 01 hộp tại văn phòng	Hộp	10	40.000	400.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
3	Găng tay y tế: 1 hộp/huyện + 01 hộp tại văn phòng	Hộp	10	100.000	1.000.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
4	Đồ bảo hộ	Bộ	200	40.000	8.000.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
5	Găng tay dài	đôi	50	16.000	800.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
6	Thuốc sát trùng xử lý ổ dịch phát sinh	lit	200	147.000	29.400.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
II	**Lấy mẫu giám sát khi phát hiện gia súc bệnh**				**24.175.000**	
1	***Dụng cụ lấy mẫu***				***1.455.000***	Theo giá thị trường tại thời điểm
a	Bao bì đựng mẫu (bọc nilon, thun, bút lông, thùng xốp…) 01 bộ/mẫu	bộ	10	100.000	1.000.000	
b	Cồn 90	chai	10	5.500	55.000	
c	Thuốc sát trùng xử lý dụng cụ mổ khám, khu vực mổ khám	chai	20	20.000	400.000	
2	***Phí xét nghiệm***				***5.220.000***	Quyết định 1790/QĐ-TYV6
	- Phát hiện vi rút Dịch tả lợn Châu Phi bằng phương pháp RT-PCR	Mẫu	10	522.000	5.220.000	
3	***Hỗ trợ công tác phí đi lấy mẫu***	công	10	100.000	***1.000.000***	Quyết định 22/2018/QĐ-UBND
4	***Phí gửi mẫu xét nghiệm***				***15.000.000***	
	Tiền thuê xe đi gửi mẫu tại Chi cục thú y Vùng VI - TPHCM	chuyến	10	1.500.000	15.000.000	thực tế
5	***Công tác phí cho người gửi mẫu: 1 người/ đợt x 10 đợt***	người	10	150.000	***1.500.000***	Quyết định 22/2018/QĐ-UBND
III	**Xử lý ổ dịch nhỏ lẻ phát sinh**				**32.200.000**	
1	***Tiền hỗ trợ cho chủ gia súc có lợn bị tiêu hủy (1.000 kg x 30.000 đ/kg)***	kg	1.000	30.000	***30.000.000***	
2	***Tiền công chôn lấp (200.000 đ/người/ngày x 05 người)***	công	5	200.000	***1.000.000***	

3	***Chi phí mua vôi bột (10 kg/bao)***	bao	20	60.000	***1.200.000***	
C	**CHI PHÍ CHỈ ĐẠO KIỂM TRA**				**12.600.000**	
1	Tiền thuê xe đi kiểm tra tình hình dịch bệnh 01 chuyến/huyện x 9 huyện	chuyến	9	1.200.000	10.800.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
2	Hỗ trợ công tác phí đi xác minh thông tin dịch bệnh cho cán bộ thú y: 2 người/lần x 100.000 đ/ lần x 9 lần	công	18	100.000	1.800.000	Quyết định 22/2018/QĐ-UBND
D	**CHI PHÍ KHÁC**				**27.536.000**	
1	Vật tư văn phòng cho 09 huyện và Chi cục (Giấy A4, mực in, bìa nút, cặp ba dây, viết,…) cước bưu điện				***8.000.000***	
2	Dự phòng (photo biên bản, mua sắm vật tư, sữa chữa máy sát trùng, dự phòng chi phí xét nghiệm và chi phí chống dịch, bảo vệ môi trường khi xử lý ổ dịch phát sinh, hỗ trợ người chăn nuôi ổn định sản xuất sau dịch, tham dự hội nghị, …)				***19.536.000***	
Tổng cộng					**1.110.000.000**	

Bằng chữ: Một tỷ một trăm mười triệu đồng

Phụ Lục III

DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 11 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Stt	Nội dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	CHI PHÍ PHÒNG BỆNH				**987.639.000**	
I	**Tiêu độc khử trùng**				**943.015.000**	thực tế
1	***Chi phí 02 đợt sát trùng***				***937.615.000***	
a	Tiền mua thuốc sát trùng tiêu độc định kỳ: 2.500 lit/đợt	lít	5.000	147.000	735.000.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
b	Chi phí đăng tải gói thầu thuốc sát trùng	lần	1	165.000	165.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
c	Chi phí thẩm định giá thuốc sát trùng	lần	1	2.750.000	2.750.000	
d	Tiền mua vỏ chai đựng thuốc sát trùng (1lit/10 chai)	chai	50.000	850	42.500.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
e	Tiền công dán nhãn, san nhỏ và phát thuốc sát trùng	lít	5.000	30.000	150.000.000	Thực tế
g	Vận chuyển thuốc sát trùng về các huyện, thành phố	huyện	18	300.000	5.400.000	Thực tế
h	Tiền mua keo, photo nhãn dán chai đựng thuốc sát trùng	huyện	18	100.000	1.800.000	Thực tế
2	***Chi phí hỗ trợ đi kiểm tra giám sát thực địa công tác tiêu độc khử trùng***				***5.400.000***	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
	Cấp tỉnh: 01 người/ngày x 01 ngày x 9 huyện x 2 đợt	ngày	18	100.000	1.800.000	
	Cấp huyện: 02 người x 01 ngày x 100.000 đ/ngày x 9 huyện x 2 đợt	ngày	36	100.000	3.600.000	
II	**Tuyên truyền**				**21.100.000**	
1	***Tuyên truyền về chuyên đề DTLCP trên đài truyền thanh huyện, thành phố: 2 cuộc/huyện x 9 huyện***	cuộc	18	200.000	***3.600.000***	Thực tế
2	***Xây dựng tờ bướm tuyên truyền***	tờ	3.500	5.000	***17.500.000***	Thực tế
III	**Giám sát chủ động**				**23.524.000**	
1.	***Tiền mua vật tư lấy mẫu: 27 mẫu gộp (05 con heo gộp thành 01 mẫu gộp; 03 mẫu gộp/huyện/ 9 huyện)***				**1.750.000**	
	- Ống tiêm 5ml	hộp	2	120.000	240.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Kim lấy máu số 18	cây	200	2.200	440.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Cồn 90	lọ	20	5.500	110.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Găng tay y tế	hộp	3	100.000	300.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Khẩu trang y tế	hộp	3	40.000	120.000	Theo giá thị trường tại thời điểm

	- Thuốc sát trùng : 01 gói (chai)/ mẫu x 27 mẫu	gói	27	20.000	540.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
2	***Chi phí lấy mẫu***				***6.030.000***	
a	Tiền công lấy mẫu				***2.430.000***	
	15 mẫu đơn/huyện x 9 huyện x 18.000 đ/mẫu	mẫu	135	18.000	2.430.000	Thông tư 283//2016/TT-BTC
b	Công tác phí cho cán bộ thú y đi lấy mẫu				***1.800.000***	Quyết định 22/2018/QĐ-UBND
	02 người/huyện x 9 huyện x 100.000 đ/người/ngày	công	18	100.000	1.800.000	
c	Hỗ trợ cán bộ thú y tỉnh giám sát lấy mẫu				***900.000***	
	100.000 đồng/ngày/huyện x 9 huyện	công	9	100.000	900.000	Quyết định 22/2018/QĐ-UBND
d	Chi phí photo biên bản, mua viết lông dầu,…	huyện	9	100.000	***900.000***	thực tế
3	***Chi phí xét nghiệm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi***				**15.744.000**	
a.	Phí xét nghiệm				***14.094.000***	
	- Phát hiện vi rút Dịch tả lợn Châu Phi bằng phương pháp RT-PCR	Mẫu	27	522.000	14.094.000	Quyết định 1790/QĐ-TYV6
b	Phí gửi mẫu xét nghiệm tại TPHCM				***1.650.000***	
	Tiền thuê xe đi gửi mẫu tại Chi cục thú y Vùng VI - TPHCM	chuyến	1	1.500.000	1.500.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	Công tác phí cho người gửi mẫu: 1 người/ đợt x 1 đợt	người	1	150.000	150.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
B	**CHI PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG CHỐNG DỊCH**				**87.026.000**	
I	**Vật tư phục vụ công tác chống dịch**				**30.651.000**	
1	Ống tiêm 5 ml	hộp	1	120.000	120.000	theo giá thị trường tại thời điểm
2	Kim lấy máu 18	cây	100	2.200	220.000	theo giá thị trường tại thời điểm
3	Cồn 90	lọ	10	5.500	55.000	theo giá thị trường tại thời điểm
4	Bông gòn 100gr	gói	2	28.000	56.000	theo giá thị trường tại thời điểm
5	Bộ dụng cụ mổ khám tiểu gia súc	bộ	2	400.000	800.000	theo giá thị trường tại thời điểm
6	Thuốc sát trùng xử lý ổ dịch phát sinh	lit	200	147.000	29.400.000	theo giá thị trường tại thời điểm
II	**Lấy mẫu giám sát khi phát hiện gia súc bệnh**				**24.175.000**	
1	***Dụng cụ lấy mẫu***				***1.455.000***	theo giá thị trường tại thời điểm
a	Bao bì đựng mẫu (bọc nilon, thun, bút lông, thùng xốp…) 01 bộ/mẫu	hộp	10	100.000	1.000.000	
b	Cồn 90	chai	10	5.500	55.000	
c	Thuốc sát trùng xử lý dụng cụ mổ khám, khu vực mổ khám	chai	20	20.000	400.000	
2	***Phí xét nghiệm***				***5.220.000***	Quyết định 1790/QĐ-TYV6
	- Phát hiện vi rút Dịch tả lợn Châu Phi bằng phương pháp RT-PCR	Mẫu	10	522.000	5.220.000	
3	***Hỗ trợ công tác phí đi lấy mẫu***	công	10	100.000	***1.000.000***	thực tế
4	***Phí gửi mẫu xét nghiệm***				***15.000.000***	
	Tiền thuê xe đi gửi mẫu tại Chi cục thú y Vùng VI - TPHCM	chuyến	10	1.500.000	15.000.000	thực tế
5	***Công tác phí cho người gửi mẫu: 1 người/ đợt x 10 đợt***	người	10	150.000	***1.500.000***	Quyết định 22/2018/QĐ-UBND

III	**Xử lý ổ dịch nhỏ lẻ phát sinh**				**32.200.000**	thực tế
1	***Tiền hỗ trợ cho chủ gia súc có lợn bị tiêu hủy (1.000 kg x 30.000 đ/kg)***	kg	1.000	30.000	***30.000.000***	
2	***Tiền công chôn lấp (200.000 đ/người/ngày x 05 người)***	công	5	200.000	***1.000.000***	
3	***Chi phí mua vôi bột (10 kg/bao)***	bao	20	60.000	***1.200.000***	
C	**CHI PHÍ CHỈ ĐẠO KIỂM TRA**				**12.600.000**	
1	Tiền thuê xe đi kiểm tra tình hình dịch bệnh 01 chuyến/huyện x 9 huyện	chuyến	9	1.200.000	10.800.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
2	Hỗ trợ công tác phí đi xác minh thông tin dịch bệnh cho cán bộ thú y: 2 người/lần x 100.000 đ/ lần x 9 lần	công	18	100.000	1.800.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
D	**CHI PHÍ KHÁC**				**27.735.000**	
1	Vật tư văn phòng cho 09 huyện và Chi cục (Giấy A4, mực in, bìa nút, cặp ba dây, viết,…) cước bưu điện				***8.000.000***	
2	Dự phòng (photo biên bản, mua sắm vật tư, sữa chữa máy sát trùng, dự phòng chi phí xét nghiệm và chi phí chống dịch, bảo vệ môi trường khi xử lý ổ dịch phát sinh, hỗ trợ người chăn nuôi ổn định sản xuất sau dịch, tham dự hội nghị, …)				***19.735.000***	
Tổng cộng					**1.115.000.000**	

Bằng chữ: Một tỷ một trăm mười lăm triệu đồng

Phụ Lục IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 44 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Stt	Nội dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	**CHI PHÍ PHÒNG BỆNH**				**981.739.000**	
I	**Tiêu độc khử trùng**				**943.015.000**	thực tế
1	***Chi phí 02 đợt sát trùng***				***937.615.000***	
a	Tiền mua thuốc sát trùng tiêu độc định kỳ: 2.500 lit/đợt	lít	5.000	147.000	735.000.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
b	Chi phí đăng tải gói thầu thuốc sát trùng	lần	1	165.000	165.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
c	Chi phí thẩm định giá thuốc sát trùng	lần	1	2.750.000	2.750.000	
d	Tiền mua vỏ chai đựng thuốc sát trùng (1lit/10 chai)	chai	50.000	850	42.500.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
e	Tiền công dán nhãn, san nhỏ và phát thuốc sát trùng	lít	5.000	30.000	150.000.000	Thực tế
g	Vận chuyển thuốc sát trùng về các huyện, thành phố	huyện	18	300.000	5.400.000	Thực tế
h	Tiền mua keo, photo nhãn dán chai đựng thuốc sát trùng	huyện	18	100.000	1.800.000	Thực tế
2	***Chi phí hỗ trợ đi kiểm tra giám sát thực địa công tác tiêu độc khử trùng***				***5.400.000***	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
	Cấp tỉnh: 01 người/ngày x 01 ngày x 9 huyện x 2 đợt	ngày	18	100.000	1.800.000	
	Cấp huyện: 02 người x 01 ngày x 100.000 đ/ngày x 9 huyện x 2 đợt	ngày	36	100.000	3.600.000	
II	**Tập huấn**				**11.600.000**	
	- Tiền thuê ghế hoặc thuê hội trường	Lần	1	300.000	300.000	thực tế
	- Hỗ trợ tiền trang trí hội trường	Lần	1	350.000	350.000	thực tế
	- Tiền giải khát giữa giờ (nước uống...)	Người	70	30.000	2.100.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
	-Tiền tài liệu	Người	70	15.000	1.050.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
	- Hỗ trợ tiền ăn	Người	70	80.000	5.600.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
	-Tiền bồi dưỡng giáo viên	ngày	1	1.000.000	1.000.000	Thông tư 36/2018/TT-BTC
	- Hỗ trợ tiền công đi mời: 10 công / lớp	Công	10	100.000	1.000.000	Thông tư 36/2018/TT-BTC
	- Hỗ trợ tiền công phục vụ lớp học	công	2	100.000	200.000	thực tế
III	**Tuyên truyền**				**3.600.000**	
	Tuyên truyền về chuyên đề DTLCP trên đài truyền thanh huyện, thành phố: 2 cuộc/huyện x 9 huyện	cuộc	18	200.000	***3.600.000***	Thực tế
IV	**Giám sát chủ động**				**23.524.000**	

1.	***Tiền mua vật tư lấy mẫu: 27 mẫu gộp (từ 03-05 con heo gộp thành 01 mẫu gộp; 03 mẫu gộp/huyện/ 9 huyện)***				**1.750.000**	
	- Ống tiêm 5ml	hộp	2	120.000	240.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Kim lấy máu số 18	cây	200	2.200	440.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Cồn 90	lọ	20	5.500	110.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Găng tay y tế	hộp	3	100.000	300.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Khẩu trang y tế	hộp	3	40.000	120.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Thuốc sát trùng : 01 gói (chai)/ mẫu x 27 mẫu	chai	27	20.000	540.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
2	***Chi phí lấy mẫu***				***6.030.000***	
	Tiền công lấy mẫu				***2.430.000***	
	15 mẫu đơn/huyện x 9 huyện x 18.000 đ/mẫu	mẫu	135	18.000	2.430.000	Thông tư 283/2016/TT-BTC
	Công tác phí cho cán bộ thú y đi lấy mẫu				***1.800.000***	
	02 người/huyện x 9 huyện x 100.000 đ/người/ngày	công	18	100.000	1.800.000	thực tế
	Hỗ trợ cán bộ thú y tỉnh giám sát lấy mẫu				***900.000***	
	100.000 đồng/ngày/huyện x 9 huyện	công	9	100.000	900.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
	Chi phí photo biên bản, mua viết lông dầu,…	huyện	9	100.000	***900.000***	thực tế
3	***Chi phí xét nghiệm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi***				**15.744.000**	
a.	Phí xét nghiệm				***14.094.000***	
	- Phát hiện vi rút Dịch tả lợn Châu Phi bằng phương pháp RT-PCR	Mẫu	27	522.000	14.094.000	Quyết định 1790/QĐ-TYV6
b	Phí gửi mẫu xét nghiệm tại TPHCM				***1.650.000***	
	Tiền thuê xe đi gửi mẫu tại Chi cục thú y Vùng VI - TPHCM	chuyến	1	1.500.000	1.500.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	Công tác phí cho người gửi mẫu: 1 người/ đợt x 1 đợt	người	1	150.000	150.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
B	**CHI PHÍ CHỐNG DỊCH**				**70.325.000**	
I	**Vật tư phục vụ công tác chống dịch**				**13.950.000**	
1	Ủng có đế	Đôi	50	75.000	3.750.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
2	Khẩu trang y tế : 1 hộp/huyện + 01 hộp tại văn phòng	Hộp	10	40.000	400.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
3	Găng tay y tế: 1 hộp/huyện + 01 hộp tại văn phòng	Hộp	10	100.000	1.000.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
4	Đồ bảo hộ	Bộ	200	40.000	8.000.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
5	Găng tay dài	đôi	50	16.000	800.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
II	**Lấy mẫu giám sát khi phát hiện gia súc bệnh**				**24.175.000**	
1	***Dụng cụ lấy mẫu***				***1.455.000***	
a	Bao bì đựng mẫu (bọc nilon, thun, bút lông, thùng xốp…) 01 bộ/mẫu	bộ	10	100.000	1.000.000	
b	Cồn 90	chai	10	5.500	55.000	
c	Thuốc sát trùng xử lý dụng cụ mổ khám, khu vực mổ khám	chai	20	20.000	400.000	
2	***Phí xét nghiệm***				***5.220.000***	
	- Phát hiện vi rút Dịch tả lợn Châu Phi bằng phương pháp RT-PCR	Mẫu	10	522.000	5.220.000	

3	***Hỗ trợ công tác phí đi lấy mẫu***	công	10	100.000	***1.000.000***	
4	***Phí gửi mẫu xét nghiệm***				***15.000.000***	
	Tiền thuê xe đi gửi mẫu tại Chi cục thú y Vùng VI - TPHCM	chuyến	10	1.500.000	15.000.000	
5	***Công tác phí cho người gửi mẫu: 1 người/ đợt x 10 đợt***	người	10	150.000	***1.500.000***	
III	**Xử lý ổ dịch nhỏ lẻ phát sinh**				**32.200.000**	
1	***Tiền hỗ trợ cho chủ gia súc có lợn bị tiêu hủy (1.000 kg x 30.000 đ/kg)***	kg	1.000	30.000	***30.000.000***	
2	***Tiền công chôn lấp (200.000 đ/người/ngày x 05 người)***	công	5	200.000	***1.000.000***	
3	***Chi phí mua vôi bột (10 kg/bao)***	bao	20	60.000	***1.200.000***	
C	**CHI PHÍ CHỈ ĐẠO KIỂM TRA**				**12.600.000**	
1	Tiền thuê xe đi kiểm tra tình hình dịch bệnh 01 chuyến/huyện x 9 huyện	chuyến	9	1.200.000	10.800.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
2	Hỗ trợ công tác phí đi xác minh thông tin dịch bệnh cho cán bộ thú y: 2 người/lần x 100.000 đ/ lần x 9 lần	công	18	100.000	1.800.000	thực tế
D	**CHI PHÍ KHÁC**				**25.336.000**	
1	Vật tư văn phòng cho 09 huyện và Chi cục (Giấy A4, mực in, bìa nút, cặp ba dây, viết,…) cước bưu điện				***8.000.000***	
2	Dự phòng (photo biên bản, mua sắm vật tư, sữa chữa máy sát trùng, dự phòng chi phí xét nghiệm và chi phí chống dịch, bảo vệ môi trường khi xử lý ổ dịch phát sinh, hỗ trợ người chăn nuôi ổn định sản xuất sau dịch, tham dự hội nghị, …)				***17.336.000***	
Tổng cộng					**1.090.000.000**	

Bằng chữ: Một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng

Phụ Lục V

DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 11 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Stt	Nội dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	**CHI PHÍ PHÒNG BỆNH**				**970.139.000**	
I	**Tiêu độc khử trùng**				**943.015.000**	thực tế
1	***Chi phí 02 đợt sát trùng***				***937.615.000***	
a	Tiền mua thuốc sát trùng tiêu độc định kỳ: 2.500 lit/đợt	lít	5.000	147.000	735.000.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
b	Chi phí đăng tải gói thầu thuốc sát trùng	lần	1	165.000	165.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
c	Chi phí thẩm định giá thuốc sát trùng	lần	1	2.750.000	2.750.000	
d	Tiền mua vỏ chai đựng thuốc sát trùng (1lit/10 chai)	chai	50.000	850	42.500.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
e	Tiền công dán nhãn, san nhỏ và phát thuốc sát trùng	lít	5.000	30.000	150.000.000	Thực tế
g	Vận chuyển thuốc sát trùng về các huyện, thành phố	huyện	18	300.000	5.400.000	Thực tế
h	Tiền mua keo, photo nhãn dán chai đựng thuốc sát trùng	huyện	18	100.000	1.800.000	Thực tế
2	***Chi phí hỗ trợ đi kiểm tra giám sát thực địa công tác tiêu độc khử trùng***				***5.400.000***	Quyết định 22/2018/QĐ-UBND
	Cấp tỉnh: 01 người/ngày x 01 ngày x 9 huyện x 2 đợt	ngày	18	100.000	1.800.000	
	Cấp huyện: 02 người x 01 ngày x 100.000 đ/ngày x 9 huyện x 2 đợt	ngày	36	100.000	3.600.000	
II	**Tuyên truyền**				**3.600.000**	
	Tuyên truyền về chuyên đề DTLCP trên đài truyền thanh huyện, thành phố: 2 cuộc/huyện x 9 huyện	cuộc	18	200.000	***3.600.000***	Thực tế
III	**Giám sát chủ động**				**23.524.000**	
1.	***Tiền mua vật tư lấy mẫu: 27 mẫu gộp (05 con heo gộp thành 01 mẫu gộp; 03 mẫu gộp/huyện/ 9 huyện)***				**1.750.000**	
	- Ống tiêm 5ml	hộp	2	120.000	240.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Kim lấy máu số 18	cây	200	2.200	440.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Cồn 90	lọ	20	5.500	110.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Găng tay y tế	hộp	3	100.000	300.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Khẩu trang y tế	hộp	3	40.000	120.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	- Thuốc sát trùng : 01 gói (chai)/ mẫu x 27 mẫu	gói	27	20.000	540.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
2	***Chi phí lấy mẫu***				***6.030.000***	

	Tiền công lấy mẫu				***2.430.000***	thông tư 283/2016/TT-BTC
	15 mẫu đơn/huyện x 9 huyện x 18.000 đ/mẫu	mẫu	135	18.000	2.430.000	
	Công tác phí cho cán bộ thú y đi lấy mẫu				***1.800.000***	thực tế
	02 người/huyện x 9 huyện x 100.000 đ/người/ngày	công	18	100.000	1.800.000	
	Hỗ trợ cán bộ thú y tỉnh giám sát lấy mẫu				***900.000***	Quyết định 22/2018/QĐ-UBND
	100.000 đồng/ngày/huyện x 9 huyện	công	9	100.000	900.000	
	Chi phí photo biên bản, mua viết lông dầu,…	huyện	9	100.000	***900.000***	thực tế
3	**Chi phí xét nghiệm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi**				**15.744.000**	
a.	Phí xét nghiệm				***14.094.000***	
	- Phát hiện vi rút Dịch tả lợn Châu Phi bằng phương pháp RT-PCR	Mẫu	27	522.000	14.094.000	Quyết định 1790/QĐ-TYV6
b	Phí gửi mẫu xét nghiệm				***1.650.000***	
	Tiền thuê xe đi gửi mẫu tại Chi cục thú y Vùng VI - TPHCM	chuyến	1	1.500.000	1.500.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
	Công tác phí cho người gửi mẫu: 1 người/ đợt x 1 đợt	người	1	150.000	150.000	Quyết định 22/2018/ QĐ-UBND
B	**CHI PHÍ CHỐNG DỊCH**				**59.026.000**	
I	**Lấy mẫu giám sát khi phát hiện gia súc bệnh**				**24.175.000**	
1	***Dụng cụ lấy mẫu***				***1.455.000***	
a	Bao bì đựng mẫu (bọc nilon, thun, bút lông, thùng xốp…) 01 bộ/mẫu	bộ	10	100.000	1.000.000	
b	Cồn 90	chai	10	5.500	55.000	
c	Thuốc sát trùng xử lý dụng cụ mổ khám, khu vực mổ khám	chai	20	20.000	400.000	
2	***Phí xét nghiệm***				***5.220.000***	
	- Phát hiện vi rút Dịch tả lợn Châu Phi bằng phương pháp RT-PCR	Mẫu	10	522.000	5.220.000	Quyết định 1790/QĐ-TYV6
3	***Hỗ trợ công tác phí đi lấy mẫu***	công	10	100.000	***1.000.000***	QĐ 22/2018/QĐ-UBND
4	***Phí gửi mẫu xét nghiệm***				***15.000.000***	
	Tiền thuê xe đi gửi mẫu tại Chi cục thú y Vùng VI - TPHCM	chuyến	10	1.500.000	15.000.000	thực tế
5	***Công tác phí cho người gửi mẫu: 1 người/ đợt x 10 đợt***	người	10	150.000	***1.500.000***	QĐ 22/2018/QĐ-UBND
II	**Vật tư phục vụ công tác chống dịch**				***2.651.000***	Theo giá thị trường tại thời điểm
1	Ống tiêm 5 ml	hộp	1	120.000	120.000	
2	Kim lấy máu 18	cây	100	2.200	220.000	
3	Cồn 90	lọ	10	5.500	55.000	
4	Bông gòn 100gr	gói	2	28.000	56.000	
5	Bộ dụng cụ mổ khám tiểu gia súc	bộ	2	400.000	800.000	
6	Khẩu trang y tế : 1 hộp/huyện + 01 hộp tại văn phòng	Hộp	10	40.000	400.000	
7	Găng tay y tế: 1 hộp/huyện + 01 hộp tại văn phòng	Hộp	10	100.000	1.000.000	
III	**Xử lý ổ dịch nhỏ lẻ phát sinh**				**32.200.000**	
1	***Tiền hỗ trợ cho chủ gia súc có lợn bị tiêu hủy (1.000 kg x 30.000 đ/kg)***	kg	1.000	30.000	30.000.000	

2	***Tiền công chôn lấp (200.000 đ/người/ngày x 05 người)***	công	5	200.000	1.000.000	
3	***Chi phí mua vôi bột (10 kg/bao)***	bao	20	60.000	1.200.000	
C	**CHI PHÍ CHỈ ĐẠO KIỂM TRA**				**12.600.000**	
a	Tiền thuê xe đi kiểm tra tình hình dịch bệnh 01 chuyến/huyện x 9 huyện	chuyến	9	1.200.000	10.800.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
b	Hỗ trợ công tác phí đi xác minh thông tin dịch bệnh cho cán bộ thú y: 2 người/lần x 100.000 đ/ lần x 9 lần	công	18	100.000	1.800.000	Theo giá thị trường tại thời điểm
D	**CHI PHÍ KHÁC**				**28.235.000**	
1	Vật tư văn phòng cho 09 huyện và Chi cục (Giấy A4, mực in, bìa nút, cặp ba dây, viết,…) cước bưu điện				***8.000.000***	
2	Dự phòng (photo biên bản, mua sắm vật tư, sữa chữa máy sát trùng, dự phòng chi phí xét nghiệm và chi phí chống dịch, bảo vệ môi trường khi xử lý ổ dịch phát sinh, hỗ trợ người chăn nuôi ổn định sản xuất sau dịch, tham dự hội nghị, …)				***20.235.000***	
Tổng cộng					**1.070.000.000**	

Bằng chữ: Một tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng

Phụ lục VI

TỔNG HỢP KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Kèm theo Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)

đvt: đồng

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	TỔNG
A	**CHI PHÍ PHÒNG BỆNH**	**1.003.239.000**	**970.139.000**	**987.639.000**	**981.739.000**	**970.139.000**	**4.912.895.000**
I	**VỆ SINH, TIÊU ĐỘC KHỬ TRÙNG**	**943.015.000**	**943.015.000**	**943.015.000**	**943.015.000**	**943.015.000**	**4.715.075.000**
1	**Chi phí thực hiện khử trùng**	***937.615.000***	***937.615.000***	***937.615.000***	***937.615.000***	***937.615.000***	***4.688.075.000***
2	**Chi phí hỗ trợ đi kiểm tra giám sát thực địa công tác tiêu độc khử trùng**	***5.400.000***	***5.400.000***	***5.400.000***	***5.400.000***	***5.400.000***	***27.000.000***
II	**TẬP HUẤN**	**11.600.000**	-	-	**11.600.000**	-	**23.200.000**
III	**TUYÊN TRUYỀN**	**25.100.000**	**3.600.000**	**21.100.000**	**3.600.000**	**3.600.000**	**57.000.000**
IV	**GIÁM SÁT DỊCH BỆNH CHỦ ĐỘNG**	**23.524.000**	**23.524.000**	**23.524.000**	**23.524.000**	**23.524.000**	**117.620.000**
1.	**Tiền mua vật tư lấy mẫu: 27 mẫu gộp (từ 03-05 con lợn gộp thành 01 mẫu gộp; 03 mẫu gộp/huyện/ 9 huyện)**	***1.750.000***	***1.750.000***	***1.750.000***	***1.750.000***	***1.750.000***	***8.750.000***
2	**Chi phí lấy mẫu**	***6.030.000***	***6.030.000***	***6.030.000***	***6.030.000***	***6.030.000***	***30.150.000***
3	**Chi phí xét nghiệm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi**	***15.744.000***	***15.744.000***	***15.744.000***	***15.744.000***	***15.744.000***	***78.720.000***
a.	Phí xét nghiệm	14.094.000	14.094.000	14.094.000	14.094.000	14.094.000	70.470.000
b	Phí gửi mẫu xét nghiệm	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	8.250.000
B	**CHI PHÍ CHỐNG DỊCH**	**68.525.000**	**99.725.000**	**87.026.000**	**70.325.000**	**59.026.000**	**384.627.000**
I	**VẬT TƯ DỰ PHÒNG**	**12.150.000**	**43.350.000**	**30.651.000**	**13.950.000**	**2.651.000**	**102.752.000**
1	Máy gây choáng lợn						-
2	Ủng có đế	3.750.000	3.750.000		3.750.000		11.250.000
3	Khẩu trang y tế : 1 hộp/huyện + 01 hộp tại văn phòng	400.000	400.000		400.000	400.000	1.600.000
4	Găng tay y tế: 1 hộp/huyện + 01 hộp tại văn phòng	1.000.000	1.000.000		1.000.000	1.000.000	4.000.000
5	Ống tiêm 5 ml			120.000		120.000	240.000
6	Kim lấy máu 18			220.000		220.000	440.000
7	Cồn 90			55.000		55.000	110.000
8	Bông gòn 100gr			56.000		56.000	112.000
5	Đồ bảo hộ	4.000.000	8.000.000		8.000.000		20.000.000
6	Găng tay dài	800.000	800.000		800.000		2.400.000
7	Thuốc sát trùng xử lý ổ dịch phát sinh		29.400.000	29.400.000	-		58.800.000
8	Bình phun thuốc sát trùng cầm tay 4 lit	2.200.000					2.200.000
9	Bộ dụng cụ mổ khám tiểu gia súc			800.000		800.000	1.600.000

II	**GIÁM SÁT BỊ ĐỘNG (KHI CÓ GIA SÚC NGHI BỆNH)**	**24.175.000**	**24.175.000**	**24.175.000**	**24.175.000**	**24.175.000**	**120.875.000**
1	Dụng cụ lấy mẫu	1.455.000	1.455.000	1.455.000	1.455.000	1.455.000	7.275.000
2	Phí xét nghiệm	5.220.000	5.220.000	5.220.000	5.220.000	5.220.000	26.100.000
3	Hỗ trợ tiền xăng xe đi lấy mẫu	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	5.000.000
4	Thuê xe đi gửi mẫu xét nghiệm	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	75.000.000
5	Công tác phí cho người gửi mẫu	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000	7.500.000
III	**XỬ LÝ Ổ DỊCH NHỎ LẺ PHÁT SINH**	**32.200.000**	**32.200.000**	**32.200.000**	**32.200.000**	**32.200.000**	**161.000.000**
1	Tiền hỗ trợ cho chủ gia súc có lợn bị tiêu hủy	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	150.000.000
2	Tiền công chôn lấp	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	5.000.000
3	Tiền mua vôi bột	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	6.000.000
C	**CHI PHÍ CHỈ ĐẠO KIỂM TRA**	**12.600.000**	**12.600.000**	**12.600.000**	**12.600.000**	**12.600.000**	**63.000.000**
1	Tiền thuê xe đi kiểm tra tình hình dịch bệnh 01 chuyến/huyện x 9 huyện	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	54.000.000
2	Hỗ trợ công tác phí đi xác minh thông tin dịch bệnh cho cán bộ thú y: 2 người/lần x 100.000 đ/ lần x 9 lần	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	9.000.000
D	**CHI PHÍ KHÁC**	**25.636.000**	**27.536.000**	**27.735.000**	**25.336.000**	**28.235.000**	**134.478.000**
1	Văn phòng phẩm, cước bưu điện	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	40.000.000
2	Dự phòng (photo biên bản, mua sắm vật tư, sữa chữa máy sát trùng, dự phòng chi phí xét nghiệm và chi phí chống dịch, bảo vệ môi trường khi xử lý ổ dịch phát sinh, hỗ trợ người chăn nuôi ổn định sản xuất sau dịch, tham dự hội nghị, …)	17.636.000	19.536.000	19.735.000	17.336.000	20.235.000	94.478.000
Tổng cộng		**1.110.000.000**	**1.110.000.000**	**1.115.000.000**	**1.090.000.000**	**1.070.000.000**	**5.495.000.000**